

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 204/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 07-8-2024.
V/v tranh chấp: “Xin ly hôn
nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thanh Trinh.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Cẩm Hồng.**

2. Ông **Trần Văn Nghiệm.**

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thanh An – kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30/7/2024, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1986 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện G, tỉnh T.

*Bị đơn: Bùi Quốc B, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện G, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T trình bày:**

Tôi và anh Bùi Quốc B sống chung với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, thị xã G, tỉnh T vào ngày 20/9/2012. Thời gian đầu sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục, nay tôi yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Quốc B.

Về con chung: Có 02 con chung tên Bùi Nguyễn Kim N, sinh ngày 31/3/2013 và Bùi Quốc H, sinh ngày 27/9/2015. Hiện nay 02 con chung đang sống chung với tôi, khi ly hôn tôi yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng

02 con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn anh Bùi Quốc B mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Bình vẫn vắng mặt không lý do và không có ý kiến trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G có ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Riêng bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng và triệu tập họp lệ. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không bổ sung gì thêm. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim T với anh Bùi Quốc B. Về con chung: Giao cả 02 con chung cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi 02 con chung tròn 18 tuổi, lao động được. Về tài sản chung, nợ chung: không có không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc yêu cầu xin ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Đối với các đương sự từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định của Pháp luật. Nguyên đơn chị T có đơn xin vắng mặt, bị đơn anh B đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T, anh B.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Bùi Quốc B sống chung với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thị xã G, tỉnh T vào ngày 20/9/2012. Thời gian đầu sống với nhau hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, chị T và anh B đã không thể hàn gắn lại tình cảm với nhau. Anh B đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến cho thấy anh B đã không có thiện chí mong muốn hàn gắn lại tình cảm với chị

T. Do đó, việc chị T yêu cầu được ly hôn với anh Bình là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[4].Về con chung: Có 02 con chung tên Bùi Nguyễn Kim N, sinh ngày 31/3/2013 và Bùi Quốc H, sinh ngày 27/9/2015. Hiện nay 02 con chung đang sống chung với chị T, khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung, theo nguyện vọng của cả 02 con chung muốn được sống chung với chị T là có cơ sở, phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Về cấp dưỡng: Do chị T không có yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi 02 con chung nên anh B không phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

[5].Về tài sản chung: Chị T khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

[6].Về nợ chung: Chị T khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

[7].Xét lời phát biểu đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8].Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim T.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với anh Bùi Quốc B.

- Về con chung: Giao cả hai con chung tên Bùi Nguyễn Kim N, sinh ngày 31/3/2013 và Bùi Quốc H, sinh ngày 27/9/2015 cho chị Nguyễn Thị Kim T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cả hai con chung tròn 18 tuổi, lao động được.

Anh Bùi Quốc B không phải cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Người không trực tiếp nuôi hai con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục hai con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Chị T khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Chị T khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

*** Về án phí Hôn nhân sơ thẩm:** Chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009575 ngày 26/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh T được cản trừ nên xem như chị T đã nộp xong.

- Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

** Nơi nhân:*

- Dương sự;
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi Cục THADS huyện Gò Công Tây ;
- UBND phường A, thị xã G, tỉnh T;
- Lưu hồ sơ.

Đặng Thị Thanh Trinh

